

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-PT
Ngày 25-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng
Bà Trần Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2021/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Quang A; nơi cư trú: Thôn CH, xã TS, huyện KT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị B; nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn CH, xã TS, huyện KT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Đào Thị B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:*

- Trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai của nguyên đơn là anh Đặng Quang A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đào Thị B từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục truyền thống nhưng đến ngày 02 tháng 10 năm 1998 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin trong kinh tế, tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Quá trình chung sống, anh chị nhiều lần sống ly thân, lần ly thân lâu nhất khoảng 07 đến 08 năm, mỗi người ở một nơi, chỉ thỉnh thoảng anh về qua nhà thăm con và giải quyết công việc gia đình. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2007, anh A đã làm đơn xin ly hôn nhưng do gia đình hai bên hòa giải, động viên nhiều lần nên vợ chồng về đoàn tụ. Đến năm 2017, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2020 trở nên căng thẳng, anh lại có đơn xin ly hôn chị B. Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử bác đơn xin ly hôn của anh, anh có đơn kháng cáo. Sau đó, tại phiên tòa phúc thẩm anh có đơn xin được rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện với mong muốn tạo cho nhau cơ hội để hàn gắn. Nhưng sau đó quan hệ vợ chồng không cải thiện, bất đồng, mâu thuẫn vẫn xảy ra và không thể hàn gắn. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm với chị B do mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm, ngày càng trở lên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên anh cương quyết xin ly hôn đối với chị B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Minh C, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008, hiện đang ở với chị B. Ly hôn, anh muốn nhận nuôi cháu Hằng đến khi đủ 18 tuổi. Trường hợp cháu Hằng có nguyện vọng ở với chị B thì anh cũng đồng ý và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với chị B 5.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đào Thị B trình bày như sau:

Chị thống nhất với anh A về thời gian, điều kiện kết hôn và quan hệ hôn nhân. Chị không đồng ý ly hôn vì trong quá trình chung sống, anh chị thỉnh thoảng có tranh luận to tiếng với nhau nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong quan hệ vợ chồng có thể hòa giải được. Chị luôn yêu anh, quan tâm và đồng hành cùng anh A trong mọi công việc, mong muốn anh tiến bộ. Đến nay, anh A đã thành đạt thì quay lại tìm mọi cách để ruồng rẫy vợ con. Năm 2020,

anh A đã nộp đơn xin ly hôn chị, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử bác đơn. Sau đó, anh A có đơn xin được rút toàn bộ yêu cầu khởi nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nhưng đến ngày 29 tháng 01 năm 2021 anh A lại làm đơn xin ly hôn đối với chị. Chị mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ vì con chung và chị vẫn còn tình cảm với anh A.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Đặng Minh C, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1998, đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008, hiện nay chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp anh A cương quyết xin ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Hằng. Tại phiên hòa giải, chị đề nghị giao cháu Hằng cho anh A nuôi dưỡng và chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Đặng Minh D trình bày ý kiến có nguyện vọng đề nghị được ở với mẹ là chị Đào Thị B do từ trước đến nay mẹ cháu vẫn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và hiện cháu đang học tại Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:* Anh A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị B. Do cháu Hằng có nguyện vọng ở với chị B nên anh đồng ý, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hằng 5.000.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung, công nợ anh không yêu cầu giải quyết. Chị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Với nội dung như trên, tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Quang A được ly hôn chị Đào Thị B.
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hằng cho chị B số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)/01 tháng, thời gian tính từ tháng 05 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 4 năm 2021, bị đơn là chị Đào Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm vì không đồng ý ly hôn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn là chị Đào Thị B vẫn giữ nguyên nội dung, yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh A vì chị cho rằng bản thân chị vẫn luôn yêu thương anh Đặng Quang A và có trách nhiệm với gia đình hai bên. Do không đồng ý ly hôn, nên chị không nêu quan điểm, ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

Nguyên đơn là anh Đặng Quang A vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố Đơn đề nghị xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh covid nên anh không thể có mặt tại phiên tòa phúc thẩm và trình bày ý kiến giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, cho anh được ly hôn vì tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn; giao con chung là cháu cháu Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008 cho chị Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của chị Đào Thị B trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 298, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy: Cho anh Đặng Quang A được ly hôn chị Đào Thị B, giao con chung là Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hằng cho chị B số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)/01 tháng, từ tháng 05 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không đặt vấn đề giải quyết về tài sản chung do các bên không có yêu cầu; về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đào Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền về nơi cư trú của bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là chị Đào Thị B kháng cáo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng là trong thời hạn luật định; chị Đào Thị B đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của chị Đào Thị B là hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là anh Đặng Quang A là người không kháng cáo, đã nhận được các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Quang A.

- Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị B kháng cáo không đồng ý với việc Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xét xử cho anh A được ly hôn với chị do chị vẫn còn tình cảm yêu thương anh A, mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để các con chị có một gia đình hạnh phúc, giữa anh chị có mâu thuẫn song không lớn và có thể hòa giải được, anh A công tác xa nhà chứ không phải anh chị sống ly thân, vợ chồng chị vẫn tình cảm, vui vẻ hạnh phúc, những người được Tòa án sơ thẩm xác minh cung cấp ý kiến là không khách quan. Tuy nhiên, về phía anh A khẳng định đã không còn tình cảm với chị B, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin về kinh tế và tình cảm. Anh A đã từng làm đơn xin ly hôn với chị B từ năm 2007 nhưng do hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo nên anh chị đã quay lại đoàn tụ song anh chị vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Đến tháng 9 năm 2020, anh A nộp đơn xin ly hôn với chị B, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng đã xử bác đơn xin ly hôn của anh A, anh A có đơn kháng cáo, sau đó tại phiên tòa phúc thẩm anh có đơn xin được rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nay anh A tiếp tục có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa.

Căn cứ lời trình bày của các bên, các tài liệu chứng cứ thu thập được, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh A và chị B không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn, kéo dài nhiều năm không có khả năng hàn gắn. Nhận thấy, một cuộc hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm

của cả vợ và chồng, đồng cảm, thống nhất trong quan điểm, lối sống, tin tưởng, quan tâm, chia sẻ với nhau. Tình cảm và mong muốn đoàn tụ của chị B là từ một phía; việc anh A đã nhiều lần có đơn xin ly hôn với chị B, vợ chồng đã từng quay lại đoàn tụ nhưng không cải thiện được vấn đề, mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra thể hiện việc đến nay anh A vẫn kiên quyết xin ly hôn với chị B. Điều đó cho thấy nếu quan hệ vợ chồng tiếp tục thì cuộc sống hôn nhân của anh chị cũng không hạnh phúc. Chị B không mong muốn vợ chồng phải ly hôn vì các con và vì tình cảm vẫn còn nhưng không thể hiện bằng những việc làm cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai vẫn bất đồng trong quan điểm, không nói chuyện được với nhau để giải quyết những khúc mắc, giữa hai người không có tiếng nói chung. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A và xử cho anh A được ly hôn chị B là phù hợp với thực tế hôn nhân giữa hai anh chị và có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con là cháu Đặng Minh C, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1998, đã thành niên, anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008: Xét cả hai bên đương sự đều có đầy đủ điều kiện, khả năng, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo tốt về mọi mặt cho con chung nếu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Song cháu Đặng Minh D có nguyện vọng đề nghị được ở với mẹ. Anh A đồng ý để chị B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hằng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con chung là Đặng Minh D cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh A tự nguyện nhận đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Hằng với chị B số tiền 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi phù hợp với quy định là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, công nợ: Anh A và chị B đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đào Thị B, cần giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[9] Về án phí:

[9.1] Về án phí sơ thẩm: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[9.2] Về án phí phúc thẩm: Chị Đào Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị B, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đặng Quang A đối với bị đơn là chị Đào Thị B.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đặng Quang A được ly hôn chị Đào Thị B.

[2.2] Về con chung: Anh Đặng Quang A và chị Đào Thị B có 02 con là Đặng Minh C, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1998, đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008.

Giao con chung là Đặng Minh D, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2008 cho chị Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh Đặng Quang A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hằng cho chị Đào Thị B mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, thời gian tính từ tháng 05 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền còn phải thi hành, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Anh Đặng Quang A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được trừ đi 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009053 ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, anh Đặng Quang A còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

- Chị Đào Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0009099 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; chị Đào Thị B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND H.Kiến Thụy;
- Chi cục THADS H.Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy